

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2026/DS – ST
Ngày: 22 - 5 - 2026
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Vững;

- Ông Nguyễn Minh Chí;

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: DS, ngày 05 tháng 01 năm 2026, về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2026/QĐXXST - DS, ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng M; Địa chỉ: Số H, L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T, Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý khách hàng cá nhân.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Cao Sơn B, cán bộ xử lý nợ; Địa chỉ liên hệ: Số F, L, phường L, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Trần Phước C, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng M là ông Cao Sơn B trình bày: Năm 2022, ông Trần Phước C và Ngân hàng M (sau đây viết là Ngân hàng) xác lập hợp đồng tín dụng số LN2204285678684 bằng văn bản có tiêu đề “Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng”, theo đó ngày 29/4/2022, Ngân hàng đã giải ngân vào thẻ tín dụng số 005-P-5989568 số tiền 46.200.000 đồng, ngày 18/10/2022, Ngân hàng tiếp tục giải ngân vào thẻ tín dụng số 262-P-8239376 số tiền 46.200.000 đồng. Ngoài ra, tại hợp đồng tín dụng, ông C và Ngân

hàng còn thỏa thuận về lãi suất cho vay theo lãi suất thẻ tín dụng tại Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, đến tháng 6/2025 thì ông C không thanh toán nợ gốc và lãi đúng hạn cho Ngân hàng. Tính đến ngày 22/5/2026, ông C còn nợ Ngân hàng tổng cộng 75.836.848 đồng. Trong đó: Nợ đối với thẻ tín dụng số 005-P-5989568 là 19.475.858 đồng, gồm: Nợ gốc là 10.924.090 đồng, nợ lãi là 8.551.768 đồng; nợ đối với thẻ tín dụng số 262-P-8239376 là 56.360.990 đồng, gồm: Nợ gốc là 34.443.756 đồng, nợ lãi là 21.917.234 đồng.

Nay, Ngân hàng khởi kiện ông C, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông C trả cho Ngân hàng tổng số nợ là 75.836.848 đồng; tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 23/5/2026 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Trần Phước C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản và quyết định tố tụng hợp lệ nhưng ông C vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Ông C cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 3, Khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hiệu lực của hợp đồng: Năm 2022, ông C và Ngân hàng xác lập hợp đồng tín dụng số LN2204285678684 bằng văn bản có tiêu đề “Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng”, theo đó ngày 29/4/2022, Ngân hàng đã giải ngân vào thẻ tín dụng số 005-P-5989568 số tiền 46.200.000 đồng, ngày 18/10/2022, Ngân hàng tiếp tục giải ngân vào thẻ tín dụng số 262-P-8239376 số tiền 46.200.000 đồng. Ngoài ra, tại hợp đồng tín dụng, ông C và Ngân hàng còn thỏa thuận về lãi suất cho vay theo lãi suất thẻ tín dụng tại Ngân hàng phù hợp với lãi suất mà pháp luật quy định. Nội dung hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông C là phù hợp với quy định của pháp luật nên các hợp đồng tín

dụng nêu trên giữa Ngân hàng và ông C phát sinh hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117, Điều 3 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Thực hiện hợp đồng: Từ tháng 6/2025, ông C không trả nợ gốc và lãi đúng hạn cho Ngân hàng nên ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện, buộc ông C trả nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại hợp đồng tín dụng, Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Số nợ gốc và lãi: Ngân hàng xác định đến ngày 22/5/2026, ông C còn nợ Ngân hàng số tiền là tổng cộng 75.836.848 đồng. Trong đó: Nợ đối với thẻ tín dụng số 005-P-5989568 là 19.475.858 đồng, gồm: Nợ gốc là 10.924.090 đồng, nợ lãi là 8.551.768 đồng; nợ đối với thẻ tín dụng số 262-P-8239376 là 56.360.990 đồng, gồm: Nợ gốc là 34.443.756 đồng, nợ lãi là 21.917.234 đồng. Đồng thời, áp dụng mức lãi suất trong hạn theo thỏa thuận và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương ứng với từng hợp đồng vay, phù hợp với lãi suất nợ thẻ tín dụng của Ngân hàng. Xét thấy, số tiền lãi được Ngân hàng tính toán là phù hợp dư nợ gốc, ngày chậm trả nợ của ông C và mức lãi suất thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 7, 8 của Nghị định số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các thông báo, quyết định tố tụng hợp lệ cho ông C nhưng ông C không phản hồi đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ, buộc ông C trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 22/5/2026 là 75.836.848 đồng, buộc ông C tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2026 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[4] Về án phí: Ông C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 91, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 3, 117, 401, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 7, 8, 13 Nghị định số 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần M** đối với bị đơn ông **Trần Phước C** về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông **Trần Phước C** trả cho **Ngân hàng M** số nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/5/2026 là 75.836.848 đồng. Trong đó:

Nợ đối với thẻ tín dụng số 005-P-5989568 là 19.475.858 đồng, gồm: Nợ gốc là 10.924.090 đồng, nợ lãi là 8.551.768 đồng.

Nợ đối với thẻ tín dụng số 262-P-8239376 là 56.360.990 đồng, gồm: Nợ gốc là 34.443.756 đồng, nợ lãi là 21.917.234 đồng.

Kể từ ngày 23/5/2026 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền còn nợ đối với từng thẻ tín dụng, ông **C** còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng tương ứng.

2. Về án phí: Ông **Trần Phước C** chịu 3.791.842 đồng án phí dân sự sơ thẩm. **H** lại cho **Ngân hàng M** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0016549 ngày 25/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND **KV7-Tây** Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tô Cẩm Hương

